

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ  
HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5/34/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 23 tháng 10 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của UBND thành phố Hải Phòng công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 1101/CVAuroraArt ngày 11/01/2023 của Công ty TNHH Aurora Art về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 199/CVMT Aurora Art ngày 19/9/2023 của Công ty TNHH Aurora Art về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Công ty TNHH Aurora Art” và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Aurora Art, địa chỉ tại Nhà xưởng xây sẵn tại các lô L4.9B và L4.10 (thuê lại của Công ty Cổ phần Bê tông & Xây dựng Thiên Trường), Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Công ty TNHH Aurora Art” tại Nhà xưởng xây sẵn tại các lô

L4.9B và L4.10 (thuê lại của Công ty Cổ phần Bê tông & Xây dựng Thiên Trường), Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Công ty TNHH Aurora Art”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng xây sẵn tại Lô L4.9B và L4.10 (thuê lại của Công ty Cổ phần Bê tông & Xây dựng Thiên Trường), Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0200657191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng đăng ký lần đầu ngày 10/01/2006 đăng kí thay đổi lần thứ 06 ngày 18/12/2020. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 8730841237 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 10/01/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 05 ngày 20/6/2022.

1.4. Mã số thuế: 0200657191

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm nén, hương khuếch tán và các phụ kiện kèm theo.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 17.776 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất:

+ Sản phẩm nén các loại: 24.000 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm vật tư, bao bì đóng gói);

+ Sản phẩm hương khuếch tán: 1.000 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm vật tư, bao bì đóng gói);

### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Aurora Art:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Aurora Art có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất

thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 13 tháng 01 năm 2023 đến ngày 13 tháng 01 năm 2033).

**Điều 4.** Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận:**

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: quận Đồ Sơn, phường Ngọc Xuyên;
- Công ty TNHH Aurora Art;
- Công ty liên doanh KCN Đồ Sơn Hải Phòng;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Bùi Ngọc Hải**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5144.../GPMT-BQL ngày 22.. tháng 10... năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty được thu gom về hệ thống dẫn nước thải và thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Aurora Art và Công ty Cổ phần bê tông và xây dựng Thiên Trường đã ký Hợp đồng thuê nhà xưởng số 68.2019/TT-ART ngày 04/09/2019. Công ty Cổ phần bê tông và xây dựng Thiên Trường đã ký biên bản bàn giao đấu nối hạ tầng của doanh nghiệp với KCN Đồ Sơn Hải Phòng ngày 13/4/2020 về việc đấu nối các điểm hạ tầng.

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải nhà vệ sinh nhà máy được xử lý sơ bộ qua 05 bể tự hoại 3 ngăn đặt tại khu vực xưởng sản xuất, khu vực nhà văn phòng có tổng dung tích 90,97 m<sup>3</sup> sau đó hợp dòng với nước rửa chân tay của công nhân (không lẫn sáp) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồ Sơn Hải Phòng để tiếp tục xử lý trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Nước rửa tay chân của công nhân từ quá trình rót sáp thủ công sẽ chảy xuống bể chứa. Sau đó, dòng nước được chảy tiếp sang bể thứ 2 để thu gom phần nước trong và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Đồ Sơn Hải Phòng để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước xả đáy nồi hơi được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Đồ Sơn Hải Phòng để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ hệ thống lọc nước được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Đồ Sơn Hải Phòng để xử lý trước khi thải ra môi trường.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### 1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

\* Tóm tắt quy trình công nghệ:

- Nước thải nhà vệ sinh qua bể tự hoại 3 ngăn + nước rửa tay chân (không lẫn sáp) → Hồ ga cuối nhà máy → Trạm XLNT tập trung của KCN Đồ Sơn Hải Phòng.

- Nước rửa tay chân dính sáp → Bể gạn sáp 2 ngăn → Hồ ga cuối nhà máy → Trạm XLNT tập trung của KCN Đồ Sơn Hải Phòng.

- Nước xả đáy nồi hơi → Hồ ga cuối nhà máy → Trạm XLNT tập trung của KCN Đồ Sơn Hải Phòng.

- Nước thải từ hệ thống lọc nước → Hồ ga cuối nhà máy → Trạm XLNT tập trung của KCN Đồ Sơn Hải Phòng.

\* Công suất thiết kế:

+ 05 bể tự hoại có tổng dung tích 90,97 m<sup>3</sup>.

+ 01 bể gạn sáp có dung tích 2,6 m<sup>3</sup>.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Nhà máy đã bố trí 01 bể nước ngầm để xử lý sự cố phòng cháy chữa cháy với dung tích 500m<sup>3</sup>.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu (01 vị trí):

Mẫu nước thải sinh hoạt tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối với HTXLNT của KCN. X (m) = 2293930 và Y (m) = 605799.

*(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)*

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ theo yêu cầu của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng.

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .5.124.../GPMT-BQL ngày 22.. tháng 10.. năm 2023  
của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình sản xuất nền tại khu vực nấu sập, trộn sập với hương liệu, chất tạo màu;
- Nguồn số 02: phát sinh từ quá trình sản xuất hương khuếch tán, dây chuyền chiết rót, giàn lạnh;
- Nguồn số 03: phát sinh từ nồi hơi.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

###### 2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải từ quá trình sản xuất xuất nền tại khu vực nấu sập, trộn sập với hương liệu, chất tạo màu → Tháp than hoạt tính → Quạt hút công suất 55.000 m<sup>3</sup>/h → Ống thoát khí thải. Tọa độ: X(m): 2294132; Y(m): 631771.
- Dòng khí thải số 02: Khí thải từ quá trình sản xuất hương khuếch tán, dây chuyền chiết rót, giàn lạnh → Tháp than hoạt tính → Quạt hút công suất 55.000 m<sup>3</sup>/h → Ống thoát khí thải. Tọa độ: Tọa độ: X(m): 2294150; Y(m): 631669.
- Dòng khí thải số 03: Bụi, khí thải từ hoạt động của nồi hơi → Xyclon lọc bụi → thiết bị lọc bụi → Quạt hút công suất 4.500 m<sup>3</sup>/h → Ống thoát khí thải. Tọa độ: X(m): 2294150; Y(m): 631669.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3°).

###### 2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 55.000 m<sup>3</sup>/h;
- Dòng khí thải số 02: 55.000 m<sup>3</sup>/h;
- Dòng khí thải số 03: 4.500 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ các khu vực sản xuất trong xưởng được thu gom vào các hệ thống xử lý để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường thông qua ống thoát khí.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B,  $K_p=0,8$  và  $K_v=0,6$ ); QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ cụ thể như sau:

T T	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục (nếu có)	
			QCVN 19:2009/ BTNMT ( $C_{max}=C_xK$ $p \times K_v$ ( $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$ ))	QCVN 20:2009/ BTNMT			
<b>I</b>	<b>Khí thải từ quá trình sản xuất xuất nền tại khu vực nấu sập, trộn sập với hương liệu, chất tạo màu</b>					Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-			
2	Naphthalene	mg/Nm <sup>3</sup>	-	150			
3	HC (n-hexan)	mg/Nm <sup>3</sup>	-	450			
4	Formandehit	mg/Nm <sup>3</sup>	-	20			
5	Phenol	mg/Nm <sup>3</sup>	-	19			
6	Sáp Parafin	mg/Nm <sup>3</sup>	-	-			
7	Beta-Pinene	mg/Nm <sup>3</sup>	-	-			
8	Benzyl acetate	mg/Nm <sup>3</sup>	-	-			
<b>II</b>	<b>Khí thải từ quá trình sản xuất hương khuếch tán, dây chuyền chiết rót, giàn lạnh</b>						
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /s	-	-			
2	Naphthalene	mg/Nm <sup>3</sup>	-	150			
3	HC (n-hexan)	mg/Nm <sup>3</sup>	-	450			
4	Formandehit	mg/Nm <sup>3</sup>	-	20			
5	Phenol	mg/Nm <sup>3</sup>	-	19			
6	Sáp Parafin	mg/Nm <sup>3</sup>	-	-			
7	Beta-Pinene	mg/Nm <sup>3</sup>	-	-			
8	Benzyl acetate	mg/Nm <sup>3</sup>	-	-			
<b>III</b>	<b>Bụi, khí thải từ hoạt động của nồi hơi</b>						



1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /s	-	-		
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	96	-		
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	480	-		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	240	-		
5	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	408	-		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh tại khu vực nấu sấp, trộn sấp với hương liệu, chất tạo màu được thu gom bằng hệ thống họng thu khí đi qua đường ống dẫn chung và dẫn vào tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý sau đó thoát ra ngoài qua ống thoát khí;

- Khí thải phát sinh từ dây chuyền chiết rót, giàn lạnh, sản xuất hương khuếch tán được thu gom bằng hệ thống phễu hút và họng hút đi qua đường ống dẫn chung rồi dẫn vào tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý sau đó thoát ra ngoài qua ống thoát khí;

- Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực nồi hơi sẽ được xử lý khi đi qua xyclon lọc bụi và thiết bị lọc bụi ướt, khí sạch thoát ra ngoài theo đường ống thoát khí của Nhà máy.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nguồn số 1: Khí thải khu vực nấu sấp, trộn sấp với hương liệu, chất tạo màu → Tháp than hoạt tính → Ống thoát khí thải.

+ Nguồn số 2: Khí thải từ dây chuyền chiết rót, giàn lạnh, sản xuất hương khuếch tán → Tháp than hoạt tính → Ống thoát khí thải.

+ Nguồn số 3: Bụi từ hoạt động nồi hơi → Xyclon lọc bụi → Thiết bị lọc bụi ướt → Quạt hút → Ống thoát khí.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo Khoản 2, Điều 98 Nghị định 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí theo quy định.

- Đối với sự cố lớn, kịp thời thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

+ Vị trí lấy mẫu:

- Nguồn số 01: Mẫu khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực nấu sếp, trộn sếp với nguyên liệu + chất tạo màu. Tọa độ: X(m): 2294132; Y(m): 631771.
- Nguồn số 02: Mẫu khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực chiết rót + giàn lạnh và khu vực sản xuất hương khuếch tán. Tọa độ: X(m): 2294150; Y(m): 631669.
- Nguồn số 03: Mẫu khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực nồi hơi. Tọa độ: X(m): 2294150; Y(m): 631669.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$  múi chiều  $3^{\circ}$ )

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép:

Stt	Chỉ tiêu giám sát	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng	mg/m <sup>3</sup>	-	-
2	Naphthalene	mg/m <sup>3</sup>	-	150
3	HC (n-hexan)	mg/m <sup>3</sup>	-	450
4	Formandehit	mg/m <sup>3</sup>	-	20
5	Phenol	mg/m <sup>3</sup>	-	19
6	Sếp Parafin	mg/m <sup>3</sup>	-	-
7	Bụi tổng	mg/m <sup>3</sup>	96	-
8	CO	mg/m <sup>3</sup>	480	-

9	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	240	-
10	NO <sub>x</sub>	mg/m <sup>3</sup>	408	-
11	Citral	mg/m <sup>3</sup>	-	-
12	Beta-Pinene	mg/m <sup>3</sup>	-	-
13	Benzyl acetate	mg/m <sup>3</sup>	-	-

*Ghi chú:*

(\*): Đối với các thông số chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh theo pháp luật hiện hành và chưa có đơn vị quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Vimcerts thì tạm thời Công ty chưa thực hiện. Sau khi các đơn vị có năng lực quan trắc và có tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh thì Công ty sẽ thực hiện quan trắc theo đúng quy định.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, hút bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .5.134..../GPMT-BQL ngày .23.. tháng 10... năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải khu vực nấu súp, trộn súp với hương liệu, chất tạo màu;
- Nguồn số 02: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải dây chuyền chiết rót, giàn lạnh; sản xuất hương khuếch tán;
- Nguồn số 03: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải nồi hơi.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01. Toạ độ: X(m): 2294132; Y(m): 631771
- Nguồn số 02. Toạ độ: X(m): 2294150; Y(m): 631669
- Nguồn số 03. Toạ độ: X(m): 2294150; Y(m): 631669;

(Hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến  $105^{\circ}45'$  múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		

1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..513.4.../GPMT-BQL ngày 13... tháng 10... năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

ST T	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	28,8	16 01 06
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	52,8	18 01 01
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	48	18 01 02
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	33,6	18 01 03
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	134,4	18 02 01
8	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải: Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	3.240	12 01 04
<b>Tổng</b>			<b>3.537,6</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm (thùng bìa carton, túi nilon, tro xỉ,...): 63,748 tấn/năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 32,85 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại (CTNH) có nắp đậy, dung tích 15 lít, 120 lít, 150 lít, 1.500 lít, 3.500 lít. Mỗi loại CTNH được lưu giữ trong thùng riêng và đảm bảo đáp các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 kho, diện tích 50,8 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ CTNH có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông, gờ chống tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

## ***2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:***

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 02 kho, tổng diện tích 90,2 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa khép kín, khung BTCT, tường xây gạch và mái BTCT, nền bê tông hóa chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định các quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường.

## ***2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:***

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy, dung tích 50 lít tại các vị trí phát sinh gồm: nhà ăn; nhà văn phòng, xưởng sản xuất, sân đường nội bộ.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: rác thải sinh hoạt từ các khu vực trong nhà máy được thu gom về thùng rác tại các khu vực phát sinh và thu gom về vị trí tập trung. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định 06/2023/QĐ-UBND ngày 09/2/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên

địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khẩn cấp theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5134.../GPMT-BQL ngày 23... tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.

---